

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Câu 1. **[NB_TN1]** Cho A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5, tập A được viết như thế nào?

A. $A = \{1; 2; 3; 4\}$

B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$

C. $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$

D. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$

Câu 2. **[NB_TN2]** Tập hợp nào chỉ gồm các số nguyên tố

A. $\{0; 5; 19\}$

B. $\{9; 11; 13\}$

C. $\{10; 15; 17\}$

D. $\{3; 17; 23\}$

Câu 3. **[NB_TN3]** Tập hợp các số nguyên gồm:

A. Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương

B. Số 0 và các số nguyên âm

C. Số 0 và các số nguyên dương

D. Các số nguyên âm và các số nguyên dương

Câu 4. **[NB_TN4]** Phép chia nào sau đây là phép chia có dư:

A. $20:2$

B. $54:3$

C. $522:9$

D. $91:5$

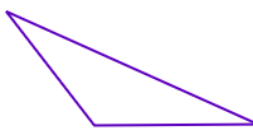
Câu 5. **[NB_TN5]** Chọn hình ảnh xuất hiện tam giác đều:



(1)



(2)



(3)



(4)

A. Hình (1).

B. Hình (2).

C. Hình (3).

D. Hình (4).

Câu 6. **[NB_TN6]** Trong hình chữ nhật

A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

B. Hai đường chéo không bằng nhau.

C. Hai đường chéo song song với nhau.

D. Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 7. **[NB_TN7]** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Điểm kiểm tra cuối kì I của lớp 6A.

- B. Chiều cao của các học sinh lớp 6C.
- C. Số trận thắng thua của hai đội tuyển bóng đá.
- D. Giới tính của các học sinh lớp 6B

Câu 8. [NB_TN8] Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh tổ 1 lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường.

Đi bộ	
Xe đạp	 
Xe máy (ba mẹ chở)	  
Phương tiện khác	

(Mỗi  ứng với 2 học sinh)

Tổ 1 lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

- A. 7 học sinh;
- B. 14 học sinh;
- C. 12 học sinh;
- D. 10 học sinh.

Câu 9. [TH_TN9] Cho các số nguyên: 1; 3; -3; -5. Cách sắp xếp nào sau đây là đúng?

- A. $-3 < -5 < 1 < 3$
- B. $-5 < -3 < 1 < 3$
- C. $1 < -3 < -5 < 3$
- D. $1 < 3 < -3 < -5$

Câu 10. [TH_TN10] Tập hợp Z các ước của 8 là:

- A. $\{1; 2; 4; 8\}$
- B. $\{-1; -2; -4; -8\}$
- C. $\{1; 2; 4; 8; -1; -2; -4; -8\}$
- D. $\{-2; -4; -8; 2; 4; 8\}$

Câu 11 . [TH_TN11] Chọn kết quả của biểu thức sau: $(21 - 37) : (-2) + 1$

A. -17

B. 9

C. -7

D. 16

Câu 12. [VD_TN12] Một chiếc điều đang ở độ cao 100m, sau đó nó hạ xuống 30m, rồi lại lên cao 50m, hạ xuống 10m. Hỏi sau ba lần thay đổi, chiếc điều ở độ cao bao nhiêu mét?

A. 100m

B. 90m

C. 110m

D. 120m

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (2,5 điểm)

a) **(NB-TL1)** Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 20.

b) **(NB-TL2)** Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -11; 0; 8; -4; 12.

c) **(NB_TL3)** Viết tập hợp A các ước của 9

d) **(VD_TL9)** Tính giá trị của biểu thức : $568 - [5(143 - 9) + 10] : 10$

Câu 2. (2,25 điểm)

a) **(TH_TL5)** Tính giá trị biểu thức $60 : [15 - (7 - 4)^2]$

b) **(TH_TL6)** Tìm x biết, $(-45).x = -360$

c) **(VDC_TL11)** Có một số bánh trong khoảng từ 300 đến 400 cái. Người ta muốn xếp vào các hộp để làm quà tặng. Nếu xếp vào từng loại hộp 12; 15 hay 18 cái thì đều vừa đủ. Tính số cái bánh nói trên.

Câu 3. (1,25 điểm)

Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật với độ dài hai cạnh là 20m và 7m.

a) **(TH_TL7)** Em hãy tính diện tích của mảnh vườn đó.

b) **(VD_TL10)** Người ta muốn dùng lưới thép để làm hàng rào cho mảnh vườn. Hỏi nếu mỗi mét vuông lưới thép có giá 52 000 đồng thì cần bao nhiêu tiền để mua đủ lưới thép làm hàng rào?

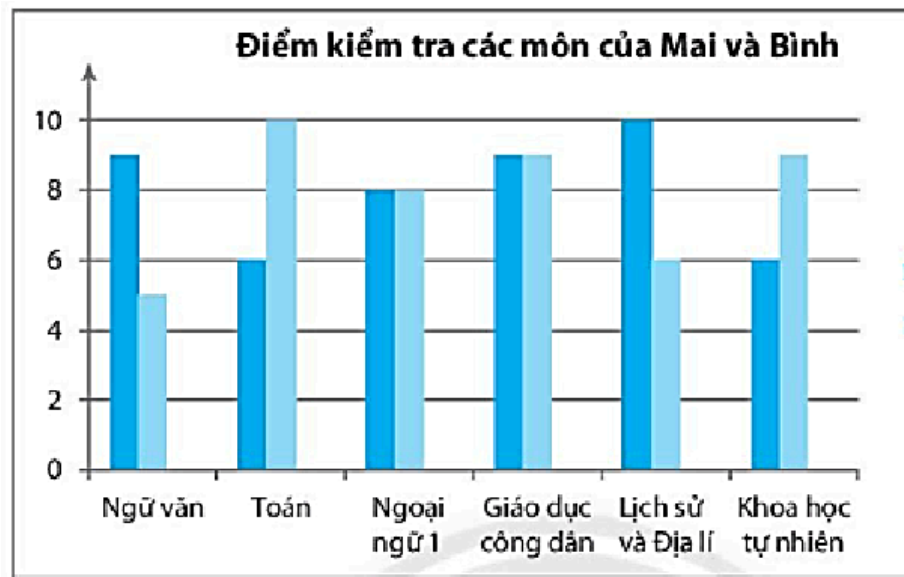
Câu 4: (1,0 điểm)

Cho biểu đồ cột kép
biểu diễn điểm kiểm
tra các môn của Mai
và Bình

Từ biểu đồ bên em
hãy cho biết:

a/ **(NB TL4)** Môn
nào Mai học tốt
hơn Bình?

b/ **(TH TL8)** Môn
nào Mai học yếu
nhất và thua Bình
bao nhiêu điểm?



ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	B	D	A	D	A	D	D	B	B	C	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	Các số nguyên tố nhỏ hơn 20 là : 2;3;5;7;11;13;17;19	0,5
1b (0,5đ)	12; 8; 0; -4; -11	0,5

1c (0,5đ)	$U(9) = \{-9; -3; -1; 1; 3; 9\}$	0,5
d (1,0đ)	$568 - [5(143 - 9) + 10] : 10$ $= 568 - \{670 + 10\} : 10$ $= 568 - 68$ $= 500$	0,25 0,25 0,25 0,25
2a (0,75đ)	$: [15 - (7 - 4)^2]$ $= 60 : [15 - 9]$ $= 60 : 6 = 10$	0,5 0,25
2b (0,5đ)	a) $(-27).x = -324$ $x = (-324) : (-27)$ $x = 12$	0,25 0,25
2c (1,0đ)	Gọi x là số cái bánh cần tìm $x \in BC(12; 15; 18)$ $12 = 2^2.3$ $15 = 3.5$ $18 = 2.3^2$ $BCNN(12; 15; 18) = 180$ $BC(12; 15; 18) = B(180) = \{0; 180; 360; 540; \dots\}$ Vì số bánh trong khoảng từ 300 đến 400 cái nên có tất cả 360 cái bánh.	0,25 0,25 0,25 0,25
3a (0,5đ)	a/ Diện tích mảnh vườn : $20 \cdot 7 = 140 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
3b (0,75đ)	b/ Chu vi mảnh vườn là: $(20+7).2 = 54 \text{ (m)}$ Số tiền cần để làm hàng rào là: $54.52\,000 = 2\,808\,000$ (đồng)	0,25 0,5
4a (0,5đ)	a/ Mai học tốt hơn Bình ở môn: Ngữ văn, Lịch sử- Địa lí.	0,5
4b (0,5đ)	b/ Mai học yếu nhất môn Khoa học tự nhiên và thua Bình 2,5đ	0,5

